

Số: **1372** /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **21** tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1463/SGDDT - KHTC ngày 09 tháng 6 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh số tháng được hưởng từ 9 tháng xuống 8 tháng đối với 27 học sinh có hộ khẩu của bản thân bố, mẹ hoặc người giám hộ tại các thôn: A Rom, Cầm Sâm, Pa ring, thuộc xã Hồng Hạ, huyện A Lưới (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP Chính phủ vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VP: CVP, PCVP và CV: TC, TH;
- Lưu: VT, GD.



Nguyễn Dung



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH MỘT TÊN
THEO THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Năm học 2016-2017

(Kèm theo Quyết định số **1372** /QĐ-UBND ngày **21** tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

DVT: 1.000 đ

STT	Họ và tên	Lớp	Dân tộc	Thời hạn ghi trên giấy chứng nhận của HS thuộc hộ nghèo (nếu là dân tộc Kinh)	Hộ khẩu thường trú của bản thân, bố, mẹ hoặc người giám hộ ở tại xã, thôn có điều KT-XH ĐBKX (ghi rõ thôn, xã...)	Các xã, thôn đặc biệt khó khăn được quy định tại các văn bản	Khoảng cách từ nhà đến trường (km)	Nơi ở lại để học tập	Hỗ trợ tiền ăn/tháng (40% MLTT)	Hỗ trợ tiền nhà ở/tháng (10% MLTT)	Số tháng được hưởng (T9/2016-05/2017)	Tổng số tiền (1.000đ)	Ghi chú
	11. Trường THPT A Lưới												
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10b2	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Hồ Văn Mè, Pán Nghi, A Ngo, A Lưới	484	121	8	4,840	
2	Trương Việt Nghĩa	10b4	Thổ		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Ông Hồ Xuân Thiệp, Tổ 3, Tổ dân phố 2, A Lưới	484	121	8	4,840	
3	Hồ Đức Thìn	10b5	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Nguyễn Xuân Phan, Cấn Sầm, Hồng Thượng, A Lưới	484	121	8	4,840	
4	Đặng Văn Châu	10b7	Ka tu		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Ông Lê Văn Zen, Tổ 4, Tổ dân phố 1, A Lưới	484	121	8	4,840	
5	Hồ Thị Quý	10b9	Ka tu		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Bà Hồ Thị Dưa, Tu Vay, Hồng Thái, A Lưới	484	121	8	4,840	
6	Lê Minh Hoái	11b2	Ka tu		Thôn Pa Rìng, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	29	Nhà Ông Hồ Văn Non, Bình Sơn, A Ngo, A Lưới	484	121	8	4,840	
7	Đặng Thị Lan	11b4	Ka tu		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Bà Nguyễn Thị Đào, Hợp Thương, Hồng Thương, A Lưới	484	121	8	4,840	
8	A Moong Lý	11b5	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Nguyễn Ngọc Sòng, A Lưới, Hồng Quảng, A Lưới	484	121	8	4,840	
9	Trần Minh Sung	11b5	Ka tu		Thôn Pa Rìng, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	29	Nhà Bà Hồ Thị Như, Tâm Mu, Hồng Quảng, A Lưới	484	121	8	4,840	
10	Lê Thị Mỹ Hạnh	11b6	Ka tu		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Ông Lê Min, Tổ dân phố 4, A Lưới	484	121	8	4,840	
11	Hồ Thị Năng	11b6	Pa cô		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Hồ Văn Mè, Pán Nghi, A Ngo, A Lưới	484	121	8	4,840	
12	Hồ Văn Tấn	11b7	Ka tu		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Bà Nguyễn Thị Lan, Tổ dân phố 2, A Lưới	484	121	8	4,840	
13	Đặng Thị Thu Vân	11b7	Tà Ôi		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Chị Nguyễn Thị Lan, Tổ dân phố số 2, A Lưới	484	121	8	4,840	
14	A Moong Đình Vũ	11b7	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Hồ Văn Thành, tổ 3, Tổ dân phố số 2, A Lưới	484	121	8	4,840	
15	Đặng Thị Hoài	12b2	Ka tu		Thôn A Rôm, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Ông Lê Quang Zen, Tổ 4, Tổ dân phố số 1, A Lưới	484	121	8	4,840	
16	Trần Thị Khoa	12b4	Ka tu		Thôn Pa Rìng, xã Hồng Hạ, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	29	Nhà Ông Quỳnh Pre, Quảng Mai, A Ngo, A Lưới	484	121	8	4,840	

STT	Họ và tên	Lớp	Đã tộc	Thời hạn ghi trên giấy chứng nhận của HS thuộc hộ nghèo (nếu là dân tộc Kinh)	Hộ khẩu thường trú của bản thân, bố, mẹ hoặc người giám hộ ở tại xã, thôn có điều KT-XH ĐBKK (ghi rõ thôn, xã...)	Các xã, thôn đặc biệt khó khăn được quy định tại các văn bản	Khoảng cách từ nhà đến trường (km)	Nơi ở tạm để học tập	Hỗ trợ tiền ăn/tháng (40% MLTT)	Hỗ trợ tiền nhà ở/tháng (10% MLTT)	Số tháng được hưởng (T9/2016-05/2017)	Tổng số tiền (1.000đ)	Ghi chú
17	Hồ Văn Nho	12b4	Ka tu		Thôn Pa Ring, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	29	Nhà Ông Hồ Thượng Bón, Kỳ Ré, Hồng Thương, A Lưới	484	121	8	4,840	
18	Ra Pát Canh	12b5	Ka tu		Thôn Pa Ring, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	29	Nhà Bà Kán Nghén, Diên Mai, A Ngo, A Lưới	484	121	8	4,840	
19	Ra Pát Kim Chi	12b5	Ka tu		Thôn Pa Ring, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	29	Nhà Ông Hồng Bích thảo, Diên Mai, A Ngo, A Lưới	484	121	8	4,840	
20	Lương Thị Thủy Nga	12b5	Ka tu		Thôn A Rom, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Ông Hồ Văn Ngòi, Tu Vay, Hồng Thái, A Lưới	484	121	8	4,840	
21	Hồ Thượng Nghiêm	12b5	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Bác Hồ Sỹ Sơn, Tổ dân phố số 1, A Lưới	484	121	8	4,840	
22	A Moong Sung	12b6	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Hồ Thượng Châm, Kỳ Ré, Hồng Thương, A Lưới	484	121	8	4,840	
23	Hồ Thị Khoa	12b7	Ka tu		Thôn A Rom, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	36	Nhà Ông Hồ Viết Thành, Cấn Tôm, Hồng Thương, A Lưới	484	121	8	4,840	
24	Vịch Nhứt	12b7	Ka tu		Thôn Cấn Sầm, xã Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	30	Nhà Ông Hồ Văn Lập, Thôn Dục 1, Hồng Kim, A Lưới	484	121	8	4,840	
	12.Trường THPT Hương Lâm												
25	Hồ Quốc Hỷ	10B1	Ka Tu		Thôn Paring, Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	40	Nhà của Nguyễn Văn ninh, Ka Non, Hương Lâm, A Lưới	484	121	8	4,840	
26	Ra Pát Thị tuyết	10B1	Ta đi		Thôn Paring, Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	37	Nhà của Hồ Văn Nhứt, Ka Non, Hương Lâm, A Lưới	484	121	8	4,840	
27	Phạm Việt Hoàng Phong	10B3	Pa cô		Thôn Cấn Sầm, Hồng Hà, A Lưới	Theo QĐ 447/2013/QĐ-UBND ngày 19/09/2013	40	Nhà của Hồ Văn Dương, Ka Non, Hương Lâm, A Lưới	484	121	8	4,840	